TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-10-2019.
V/v tranh chấp Ly hôn giữa
chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ơn.
2. Ông Bùi Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên toà:* Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ạ, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT: xóm T, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình.
Chỗ ở: Xóm B, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Quách Văn H, sinh năm 1980.
Nơi cư trú: xóm T, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Bùi Thị Ạ trình bày: chị và anh Quách Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ngày 31/7/2004. Cuộc sống chung sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng ban đầu có hạnh phúc. Do kinh tế gia đình khó khăn nên anh Quách Văn H phải đi làm thuê kiếm tiền xa nhà. Kể từ đó tính cách anh H thay đổi; thường hay nóng nảy, chửi mắng, đánh đập vợ con vô cớ. Bản thân chị Ạ đã cố gắng chịu đựng với mong muốn anh H thay đổi tính cách, lối sống để gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con cái; gia đình cũng đã khuyên can, hòa giải nhưng anh H không thay đổi

mà ngày càng hung hăng, luôn kiếm cớ gây sự, chửi mắng vợ con gây mất trật tự trị an địa phương và gây tâm lý tiêu cực cho các con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân nhau 2016 đến nay. Quá trình sống ly thân anh H không những không quan tâm đến vợ con mà còn thỉnh thoảng gọi điện thoại đe dọa, chửi mắng chị Ạ. Nay chị Bùi Thị Ạ thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quách Văn H. Về con chung: chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H có 02 con chung là Quách Thị D, sinh ngày 25/11/2003 và Quách Thị T, sinh ngày 19/11/2005. Hiện nay con lớn Quách Thị D đã đi làm thuê; tự nuôi sống bản thân, còn con thứ hai là Quách Thị T hiện đang ở với anh Quách Văn H. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Ạ nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn và chưa yêu cầu anh Quách Văn H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, chị Bùi Thị Ạ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị Bùi Thị Ạ khai là không có.

Về phía anh Quách Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của anh Quách Văn H thể hiện anh Quách Văn H có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ chị Bùi Thị Ạ đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú do đi làm ăn xa, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của anh Quách Văn H. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Về nguyện vọng của con chung: Tòa án đã lấy ý kiến của các cháu Quách Thị D và Quách Thị T vì các cháu đã trên 7 tuổi. Đối với cháu Quách Thị D hiện đã tự lao động nuôi bản thân nên cháu được giao ở với bố hay mẹ cháu đều đồng ý còn cháu Quách Thị T hiện nay đang sống ổn định cùng anh Quách Văn H và có nguyện vọng muốn tiếp tục ở với bố là anh Quách Văn H.

Về nợ chung của vợ chồng: Đã được Tòa án xác minh, thể hiện: chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H không có nợ chung.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Ạ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về ly hôn. Về nuôi con chung sau ly hôn thì chị Ạ xin tùy thuộc ý kiến của các con chung.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H có mâu thuẫn trầm trọng; đã sống ly thân thời gian dài và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; không còn tình cảm vợ chồng; mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn. Về việc nuôi con, cần xem xét nguyện vọng chính đáng của con; cần giao con lớn là Quách Thị D cho chị Bùi Thị Ạ trực tiếp nuôi dưỡng còn con thứ hai là

Quách Thị T cần giao cho anh Quách Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản do chị Ạ chưa có yêu cầu giải quyết, nợ chung của vợ chồng không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh Quách Văn H không có mặt tại Tòa án mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh Quách Văn H đúng như địa chỉ mà nguyên đơn đã cung cấp. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Quách Văn H. Do bị đơn đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm về độ tuổi cũng như những quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chị Ạ và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn đã được xác minh thể hiện vợ chồng chị Ạ anh H do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh H đi làm ăn xa dẫn đến tính cách, lối sống thay đổi; anh H thường hay đánh mắng, hành hạ vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng; đã sống ly thân nhau khoảng hơn 02 năm nay. Quá trình sống ly thân chị Ạ, anh H cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc ai muốn sống thế nào cũng được. Như vậy, chị Ạ và anh H đã không còn thương yêu, không còn chung sống cùng nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Ạ là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H có 02 con chung là Quách Thị D, sinh ngày 25/11/2003 và Quách Thị T, sinh ngày 19/11/2005. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Ạ nhận trực tiếp nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của cả hai bên thấy rằng: chị Ạ và anh H đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung như nhau. Xét nguyện vọng của con chung là cháu Quách Thị D tuy cháu D đã tự lao động nuôi sống được bản thân nhưng cháu vẫn chưa đủ 18 tuổi; tâm sinh lý và thể chất chưa trưởng thành nên vẫn cần có người giám hộ. Do đó cần giao cháu D cho chị Bùi Thị Ạ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Đối với cháu Quách Thị T hiện nay cháu đang học hành và sinh sống ổn định cùng anh Quách Văn H. Hơn nữa nguyện vọng của cháu T là muốn ở với anh H nên cần giao cháu T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý. Về nghĩa vụ cấp dưỡng phía chị Ạ chưa có yêu cầu còn phía anh H do không lấy được ý kiến anh H nên

coi là chưa có yêu cầu. Chị Ạ và anh H vẫn có quyền yêu cầu bên kia cấp dưỡng trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Ạ và anh H đều có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Do chị Bùi Thị Ạ không yêu cầu Tòa án giải quyết và việc anh Quách Văn H vắng mặt nên Tòa án không lấy được ý kiến của anh H nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được xem xét bằng vụ việc khác.

[5] Về nợ chung của vợ chồng: Xác định không có.

[6] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ạ về việc xin ly hôn; cho chị Bùi Thị Ạ được ly hôn với anh Quách Văn H.

2. Về nuôi con: Chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H có 02 con chung là Quách Thị D, sinh ngày 25/11/2003 và Quách Thị T, sinh ngày 19/11/2005. Sau khi ly hôn, giao cháu Quách Thị D cho chị Bùi Thị Ạ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao cháu Quách Thị T cho anh Quách Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị Ạ và anh Quách Văn H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu. Chị Bùi Thị Ạ, anh Quách Văn H có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn mà không ai được cản trở. Chị Bùi Thị Ạ, anh Quách Văn H không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Về tài sản đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung xác nhận không có.

4. Án phí: Chị Bùi Thị Ạ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000679 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn; chị Bùi Thị Ạ đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- UBND xã P– Lạc Sơn – HB; *(Nơi đăng ký kết hôn ngày 31/7/2004)*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn